

Số: 12/HA /QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 15 tháng 05 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy định đào tạo
đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

Căn cứ quy định về trách nhiệm, quyền hạn của Hiệu trưởng các trường Đại học tại Chương VIII “Điều lệ trường Đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

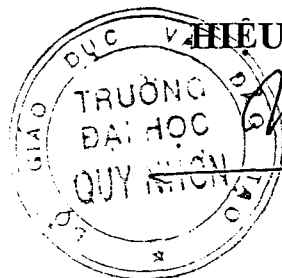
Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Quy Nhơn.
- Điều 2.** Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế cho Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2433/QĐ-ĐHQN ngày 02/12/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.
- Điều 3.** Các Trường phòng Đào tạo, Hành chính – Tổng hợp, Công tác sinh viên, Khảo thí & ĐBCL; các đơn vị liên quan; các Trường khoa, giảng viên, sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng website;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Nguyễn Hồng Anh

H1. 01.01.13 (2)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 15 tháng 5 năm 2014

QUY ĐỊNH

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường ĐHQ Quy Nhơn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định việc đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
- Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học, cao đẳng thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tại Trường Đại học Quy Nhơn.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

- Chương trình đào tạo (gọi tắt là chương trình) thể hiện: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.
- Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính- ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.
- Đề cương chi tiết học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo, điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Khối lượng của mỗi chương trình đào tạo được quy định như sau:

Trình độ	Đối tượng tuyển sinh	Nhóm ngành, ngành	Số tín chỉ tối thiểu/ tối đa
Đại học	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Sư phạm, cử nhân khoa học, Nông học	120-140
		Kinh tế, Kế toán, Tài chính- Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	120-132
		Kỹ thuật – Công nghệ (trừ Nông học)	135-160
	Tốt nghiệp cao đẳng chuyên nghiệp	Kinh tế, Kế toán, Tài chính- Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	58-60
		Kỹ thuật – Công nghệ, CNTT	70-74

cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

5. Mỗi tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của Trường được tính từ 7 giờ đến 19 giờ hằng ngày. Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho sinh viên trong khoảng thời gian trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy: tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã tích lũy được (có điểm chữ là A, A+, B, B+, C, D tính từ đầu khóa học).

4. Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được (đạt điểm chữ A, A+, B, B+, C, D) tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xét. Nếu có học phần học nhiều lần thì lấy điểm cao nhất trong các lần đó để tính.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ:

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo; cụ thể như sau:

Trình độ	Đối tượng tuyển sinh	Nhóm ngành, ngành	Thời gian đào tạo	Thời gian tối đa hoàn thành chương trình
Đại học	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương	Sư phạm, cử nhân khoa học, Nông học	4 năm	6 năm
		Kinh tế, Kế toán, Tài chính- Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	4 năm	6 năm
		Kỹ thuật – Công nghệ (trừ Nông học)	4,5 năm	6,5 năm
	Tốt nghiệp cao đẳng	Kinh tế, Kế toán, Tài chính- Ngân hàng và Quản trị kinh doanh	1,5 năm	2,5 năm
		Kỹ thuật – Công nghệ, CNTT	2 năm	3 năm
	Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp	Các ngành	3 năm	5 năm

4. Khoa quản lý sinh viên: là khoa có sinh viên đăng ký học.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc, tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ (trừ các học kỳ của năm thứ nhất), mỗi sinh viên phải đăng ký học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo của trường. Thời điểm bắt đầu và kết thúc việc đăng ký học do phòng Đào tạo quy định. Khoa và các cố vấn học tập có trách nhiệm thông báo cho sinh viên đăng ký học theo hướng dẫn của Trường.

3. Đăng ký học phần trong mỗi học kỳ được tổ chức thông qua mạng internet. Mỗi học kỳ, phòng Đào tạo tổ chức 3 đợt đăng ký như sau:

Đợt 1: là đợt đăng ký chính, được tổ chức trước khi bắt đầu mỗi học kỳ từ 1 đến 2 tháng. Tất cả sinh viên đều phải đăng ký học phần sẽ học trong học kỳ kể cả học phần học lần thứ 2 trở đi để tích lũy học phần chưa đạt hoặc cải thiện điểm.

Đợt 2: được tổ chức sau đợt 1 một tuần dành cho sinh viên đăng ký trùng các lớp học phân bị hủy, đăng ký lại vào các lớp học phần khác.

Đợt 3: là đợt bổ sung được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ để xử lý các trường hợp sai sót kỹ thuật, rút bớt học phần đã đăng ký, đăng ký học phần với các lớp năm thứ nhất sau kỳ tuyển sinh.

4. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký (không tính học phần Giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) Học kỳ chính: Sinh viên đang được xếp hạng học lực bình thường đăng ký tối thiểu là 14 tín chỉ. Sinh viên đang bị xếp hạng học lực yếu đăng ký tối thiểu là 10 tín chỉ, tối đa là 14 tín chỉ. Số tín chỉ được tính cả những học phần đăng ký học từ lần thứ 2 trở đi. Quy định số tín chỉ đăng ký tối thiểu không áp dụng trong các trường hợp: các học kỳ từ học kỳ cuối khóa học trở đi, những sinh viên đã học vượt ở học kỳ trước và học kỳ này không có lớp học phần cần học, tổng số tín chỉ trong kế hoạch giảng dạy của học kỳ ít hơn mức này.

b) Học kỳ phụ: Không quy định số tín chỉ đăng ký tối thiểu.

5. Sinh viên (đặc biệt là lớp trưởng các lớp sinh hoạt) có trách nhiệm theo dõi các thông báo về thời điểm, quy trình, thủ tục đăng ký học trên website của phòng Đào tạo, của Trường, trên bảng tin của khoa, của phòng Công tác sinh viên, trên các giảng đường để đăng ký học phần kịp thời, đúng quy định.

6. Phòng đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải ghi vào phiếu đăng ký học do phòng đào tạo lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần sau khi đã đăng ký

1. Sinh viên rút bớt học phần trong đợt 3 (xem Điều 10). Sau khi kết thúc đợt 3, học phần đã đăng ký vẫn được giữ nguyên và nếu sinh viên không tham dự lớp học phần sẽ bị xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F học phần đó.

2. Điều kiện rút bớt học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận;

Sinh viên viết đơn có xác nhận của khoa quản lý sinh viên kèm với minh chứng lý do nghỉ học tạm thời nộp cho Phòng Đào tạo. Hiệu trưởng quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

Sau mỗi học kỳ, Trường sẽ xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học đối với sinh viên.

1. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu thuộc vào một trong hai trường hợp sau đây:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

2. Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Sinh viên đã bị cảnh báo 2 lần liên tiếp nhưng học kỳ tiếp theo vẫn rơi vào 1 trong 2 trường hợp nêu ở khoản 1a hoặc 1b của Điều này.

b) Điểm trung bình chung học kỳ bằng 0;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy định này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đào tạo thuộc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng hoặc chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

Đối với học phần có cả lý thuyết và thảo luận: Kiểm tra giữa kỳ hoặc đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận;

c) Điểm thi học phần: Có trọng số 70% điểm học phần.

2. Đối với các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Đối với học phần đặc thù như thực tập, thực tế, đề án môn học, đồ án môn học,...khoa quản lý học phần đề xuất việc đánh giá học phần, Hiệu trưởng quyết định.

4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá quá trình, trừ bài thi kết thúc học phần.

5. Đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được quy định tại Điều 25 của Quy định này.

Điều 20. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

1. Vào giữa học kỳ, giảng viên phụ trách học phần tổ chức kiểm tra giữa kỳ theo kế hoạch chung của Trường. Giảng viên công bố điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình (kiểm tra giữa kỳ,...) cho lớp học phần và gửi cho khoa quản lý học phần bản gốc để nhập điểm vào hệ thống trước khi thi học phần ít nhất một tuần. Giảng viên thông báo hình thức và thời gian đánh giá quá trình học tập cho sinh viên biết từ đầu học kỳ.

Sinh viên không dự đánh giá quá trình học tập, nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không), nếu có lý do chính đáng giảng viên có thể tổ chức đánh giá bổ sung trước khi thi kết thúc học phần ít nhất 1 tuần.

2. Cuối mỗi học kỳ, Trường chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Kỳ thi có thể được tổ chức thành hai đợt để sinh viên không thi đợt 1 (do trùng lịch thi với học phần khác) tham gia thi đợt 2.

3. Thời gian dành cho ôn thi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp. Ngoài các hình thức trên, Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho một số học phần mang tính đặc thù.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Thời gian lưu giữ các bài thi viết, bài tập lớn tại các khoa ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn, đề án, đồ án.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường kèm theo biên bản chấm thi có chữ ký của hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu văn phòng khoa, một bản gửi cho phòng Khảo thí – đảm bảo chất lượng và một bản gửi cho phòng Đào tạo chậm nhất 14 ngày sau khi kết thúc kỳ thi.

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa và phòng Đào tạo chấp thuận.

Khi nhận điểm I, trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trong thời gian tối đa là 2 học kỳ chính tiếp theo, sinh viên phải làm đơn đăng ký dự thi để hoàn tất học phần còn nợ. Sau khi thi, điểm I sẽ được chuyển đổi thành điểm mà sinh viên đạt được. Nếu qua 2 học kỳ chính sinh viên không đăng ký dự thi thì điểm I sẽ bị đổi thành điểm 0 (không).

Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

7. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của Trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển qua.

8. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm trên hoặc bằng D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ Trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung (TBC) học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i là điểm của học phần thứ i tính theo thang điểm 4;

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i ;

n là tổng số học phần.

Khi tính điểm TBC học kỳ, n bao gồm tất cả các học phần được đánh giá đạt và không đạt trong học kỳ (có mức điểm chữ là A, A+, B, B+, C, D và F) và tính theo điểm đánh giá học phần cao nhất trong các lần học của học kỳ đó.

Khi tính điểm TBC tích lũy, n chỉ bao gồm các học phần được đánh giá đạt đến thời điểm xét (có mức điểm chữ là A, A+, B, B+, C, D) và tính theo điểm đánh giá học phần cao nhất trong các lần học.

Điểm TBC học kỳ, điểm TBC tích lũy được dùng để xét thôi học, cảnh báo kết quả học tập, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp.

2. Không tính điểm học phần của các học phần điều kiện vào điểm TBC học kỳ, điểm TBC tích lũy. Căn cứ kết quả của các học phần này, Trường cấp chứng chỉ cho sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Sinh viên hoàn thành các học phần giáo dục thể chất nếu điểm đánh giá mỗi học phần đều từ 4,0 trở lên theo thang điểm 10.

Sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh nếu điểm đánh giá mỗi học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh đều từ 4,0 trở lên theo thang điểm 10 và điểm trung bình chung các học phần từ 5,0 trở lên với trọng số là số tín chỉ của học phần.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao.

e) Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo.

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về Trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy định này.